TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 20/7/2018
Về việc : *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Lê Việt Long.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/5/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST - HNGĐ ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A, sinh năm 1995;

Bi đơn: Anh Vũ Công T, sinh năm 1990;

Đều trú tại: Thôn Nho L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị A là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Vũ Công T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 24/02/2014. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống tại nhà cùng bố mẹ anh T ở thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương, đến đầu năm 2018, hai vợ chồng vì làm ăn kinh tế nên đã thuê nhà ra thôn M, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương để kinh doanh, buôn bán, chị làm công việc chăm sóc sắc đẹp, còn anh T làm nhôm kính. Tuy nhiên, trong thời gian chuyển ra

ngoài sinh sống, vợ chồng anh chị thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T sống buông thả, không chung thủy với chị, thường xuyên chơi bời, không lo gì đến gia đình, vợ con. Nhiều lần chị và gia đình khuyên bảo, động viên nhưng anh T không chịu sửa đổi. Đến nay chị thấy không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục cuộc sống chung như vậy được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Phạm Linh N, sinh ngày 04/9/2014 và Vũ Công Tùng N, sinh ngày 16/12/2016. Ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi 01 con chị nuôi con Vũ Phạm Linh N; anh T nuôi con Vũ Công Tùng N; không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt các văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Vũ Công T và nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của anh T tại phòng trọ của anh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018, anh T trình bày, tuy vợ chồng thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhưng hai vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc với nhau, những mâu thuẫn đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị A và mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau. Tuy nhiên, nếu chị A vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị A. Về con chung, anh và chị A có 02 con chung như chị A đã trình bày, ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Vũ Công Tùng N, còn chị A nuôi cháu Vũ Phạm Linh N cho đến khi con đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Vũ Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Công T, về con chung, chị xác định nhất trí để anh Vũ Công T nuôi một con, chị sẽ nuôi con là Vũ Phạm Linh N còn anh T sẽ nuôi con là Vũ Công Tùng N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị A là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ

ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị A; Xử cho chị Phạm Thị A ly hôn với anh Vũ Công T; về con chung giao con Vũ Phạm Linh N, sinh ngày 04/9/2014 cho chị Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con Vũ Công T, sinh ngày 16/12/2016 cho anh Vũ Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là anh Vũ Công T đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Công T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A và anh Vũ Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 24/02/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp về tình cảm, bất đồng trong cuộc sống, anh T muốn hai vợ chồng về đoàn tụ, nhưng giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả chị A, anh T đều nhất trí ly hôn. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị A được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Công Tùng N, sinh ngày 16/12/2016 và Vũ Phạm Linh N, sinh ngày 04/9/2014. Chị A và anh T đều thống nhất quan điểm mỗi người sẽ nuôi một con, chị A nuôi con là Vũ Phạm Linh N, anh T sẽ nuôi con là Vũ Công Tùng N, cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh chị đều tự nguyện không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng cho con. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần xử cho chị A được nuôi con N, anh T nuôi con N.

[4] Về tài sản vợ chồng: Chị A và anh T không yêu cầu nên không phải đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị A ly hôn anh Vũ Công T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Vũ Phạm Linh N, sinh ngày 04/9/2014; giao cho anh Vũ Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Vũ Công Tùng N, sinh ngày 16/12/2016 (hiện nay cả hai con đều đang ở với anh, chị) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị A và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng*(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000515 ngày 02/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự
- UBND xã V
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú